TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2020
V/v: Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu
2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: Ly hôn. Theo quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị Th - Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên toà vắng mặt anh D và chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Trịnh Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã Hà Đông, huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/5/2019. Sau khi cưới vợ chồng

sống hạnh phúc bình thường được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vào tháng 8/2019 chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Hưng Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung ở, anh có vài lần điện cho chị Th về nhưng chị Th không về và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D xin được ly hôn với chị Th.

- *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung nên anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản:* Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Toà án nhân dân huyện Hà Trung đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Trịnh Thị Th lên làm việc, tuy nhiên chị Th đã nhận văn bản tố tụng do Toà án huyện Hà Trung giao nhưng không đến làm việc. Nên không có ý kiến quan điểm của chị Th về việc giải quyết vụ án.

Toà án nhân dân huyện Hà Trung có làm việc với ông Trịnh Ngọc D là bố đẻ của chị Trịnh Thị Th. Ông D cho biết, anh D và chị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Đông, huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/5/2019. Anh D và chị Th chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8/2019 thì chị Th về nhà ông ở. Hiện tại chị Th đang đi làm ăn và hay liên lạc với gia đình, thường xuyên về nhà rồi lại đi làm. Trong quá trình anh D và chị Th chung sống ông được biết anh chị không có con chung.

Do anh D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị Th; anh D phải chịu tiền án phí DSST.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th vắng mặt; anh D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Trịnh Thị Th không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành

tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 26/3/2020. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh D và chị Th.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Trịnh Thị Th kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo anh D vợ chồng sau khi kết hôn được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Đối với chị Th, chị đã được Toà án triệu tập hợp lệ, chị cũng đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng chị không đến Toà án làm việc. Đây thể hiện chị không còn tình cảm với anh D và bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc ông Trịnh Ngọc Dậu là bố đẻ của chị Trịnh Thị Th được biết chị Th và anh D hiện tại không sống chung với nhau, chị Th không có con chung, chị Th đã về gia đình sinh sống từ tháng 8/2019 cho đến nay. Hiện nay chị Th đang đi làm ăn, thường xuyên liên lạc và về với gia đình.

Xét thấy, anh D thực sự không còn tình cảm với chị Th, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Th cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết, xét xử vụ án chứng tỏ chị không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay anh D vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh D đã thực sự không còn tình cảm với chị Th, chị Th không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho anh D được ly hôn chị Th là phù hợp.

[3] Về con: Theo anh D vợ chồng anh chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn trong vụ án nên buộc anh D phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trịnh Thị Th.

2. Về nuôi con chung:

Anh chị không có con chung nên Toà án không giải quyết.

3. Về chia tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0005298 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Đông (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Ngọc Tuấn